

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH K**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/HS-ST
Ngày 05 tháng 6 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Mỹ Châu
Bà Văn Thị Lệ Văn

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Trung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh K, xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 21/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 02 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1989, tại K.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Cồn T1, phường X, thành phố N, tỉnh K; nơi cư trú: tổ 11 P, xã V, thành phố N, tỉnh K; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang T và bà Phan Thị Ngọc M; chung sống như vợ chồng với Lê Quốc A; có 05 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2018;

Tiền án: 02

- Tại bản án số 140/2016/HS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2016 bị Tòa án nhân dân Tp. Nha trang xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự 1999;

- Tại bản án số 304/2016/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2016 bị Tòa án nhân dân Tp. Nha trang xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự 1999, tổng hợp hình phạt 07 năm 06 tháng tù của bản án số 140/2016/HS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2016, hình phạt chung phải chấp hành là 10 năm tù.

Tiền sự: Không;

Bị can bị bắt thi hành bản án số 304/2016/HS-ST từ ngày 07 tháng 8 năm 2019; có mặt.

* **Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh T:** Luật sư Nguyễn Thị Minh T, luật sư thuộc Văn phòng Luật sư T, Đoàn Luật sư tỉnh K; có mặt.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Lê Quốc A, sinh năm 1993

Địa chỉ: tổ 11 P, xã V, thành phố N, tỉnh K; vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1988

Địa chỉ: tổ 16, thôn XN, xã V, thành phố N, tỉnh K; vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Tân Q, sinh năm 1980

Địa chỉ: 222/16 L1, phường P1, thành phố N, tỉnh K; vắng mặt.

* **Người làm chứng:**

Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1973

Địa chỉ: xóm T2, thôn X2, xã D, huyện D1, tỉnh K; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2015, Nguyễn Thị Thanh T bắt đầu sử dụng ma túy "đá". Để có tiền mua ma túy sử dụng, T đã nhiều lần đến khu vực "Lầu Bảy", phường V1, thành phố N mua ma túy về phân lẻ rồi bán lại cho người khác. T đã 02 lần bị bắt và xét xử về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", do đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi nên T được hoãn thi hành hình phạt tù.

Năm 2018, do không có nghề nghiệp, bản thân sử dụng chất ma túy, T tiếp tục đến khu vực "Lầu Bảy", phường V1, thành phố N, gặp người phụ nữ không rõ lai lịch, địa chỉ, có tên gọi là L để mua ma túy "đá" mang về phân lẻ rồi bán lại cho người khác kiếm lời. Ngày 10 tháng 6 năm 2018, T tiếp tục mua của L ma túy "đá" với giá 24.000.000 đồng mang về phân lẻ rồi bán lại cho N1 và nhiều người khác đều không rõ tên và địa chỉ. Khoảng 19 giờ ngày 13 tháng 6 năm 2018, N1 điện thoại cho T (số 01626789502) hỏi mua ma túy "đá" với giá 2.000.000 đồng, T đồng ý bán và thống nhất hẹn gặp N1 tại trước Nhà nghỉ SX, số 930 đường L1, phường P2, thành phố N. T điện thoại cho Lê Quốc A (là người chung sống như vợ chồng với T) đến chở T đi mua đồ cho con. Khoảng 19 giờ 30 cùng ngày, khi đi đến Nhà nghỉ SX thì T nói Quốc A dừng xe đợi bên ngoài để T vào nhà nghỉ đi vệ sinh, trong lúc T đang đứng tại Lễ tân nhà nghỉ thì bị tổ công tác phòng Cảnh sát điều tra tội phạm

về ma túy - Công an tỉnh K phối hợp với Công an phường P2 tuần tra, kiểm tra phát hiện bắt quả tang T mang theo 01 (một) gói thuốc là hiệu Jet, bên trong chứa 01 (một) bịch ni lông có khóa khần miệng, bên trong chứa tinh thể dạng đá màu trắng có khối lượng 2,2967 gam (niêm phong ký hiệu A), T khai nhận là ma túy đang mang đi bán cho N1.

Làm việc tại cơ quan Công an, Nguyễn Thị Thanh T tự lấy trong túi quần của mình ra và giao nộp: 01 bịch ni lông màu đen, bên trong chứa 23 bịch ni lông (kích thước 1,5x2cm) và 18 bịch ni lông (kích thước 2,5x2,5cm), 08 bịch ni lông (kích thước 4x4cm), tất cả các bịch ni lông bên trong đều chứa tinh thể đá màu trắng có tổng khối lượng 38,8107 gam (niêm phong ký hiệu B). T khai nhận 01 (một) bịch ni lông (kích thước 1,5x2cm) sẽ bán với giá 300.000 đồng; 01 (một) bịch ni lông (kích thước 2,5x2,5cm) sẽ bán với giá 500.000 đồng; 01 (một) bịch ni lông (kích thước 4x4cm) sẽ bán với giá 1.000.000 đồng.

Tiến hành khám xét chỗ ở của T và Lê Quốc A tại nhà ở tổ 11 thôn P, xã V, N, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh K phát hiện thu giữ: 01 bình sử dụng ma túy đá; 01 gói giấy bên trong chứa thân, lá, hạt thảo mộc khô có tổng khối lượng 3,7255 gam (niêm phong ký hiệu M). Lê Quốc A khai nhận gói thảo mộc bị thu giữ là ma túy cần sa của Quốc A do người tên Ty chưa rõ lai lịch cho để sử dụng.

Tại kết luận giám định số 301/GĐTP/2018 ngày 20 tháng 6 năm 2018 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh K kết luận: Tinh thể trong mẫu ký hiệu A gửi giám định là ma túy, có khối lượng 2,2967g, là (loại) Methamphetamine; Tinh thể trong mẫu ký hiệu B gửi giám định là ma túy, có khối lượng 38,8107g, là (loại) Methamphetamine; Tại kết luận giám định số 2767/C54B ngày 31 tháng 7 năm 2018 kết luận Thảo mộc trong mẫu ký hiệu M gửi giám định có khối lượng 3,7255g, là lá, hoa cần sa.

Như vậy, tổng số ma túy thu giữ của Nguyễn Thị Thanh T là 41,1074g ma túy Methamphetamine, tàng trữ để bán lại cho nhiều người.

Vật chứng thu giữ trong vụ án:

- 02 Phong bì niêm phong mẫu vật: A, B còn lại sau giám định, có chữ ký niêm phong của giám định viên và hình dấu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh K; 01 bình sử dụng ma túy;

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu tím; số tiền 7.000.000 đồng; 01 xe mô tô BKS 79N1-237.33.

Tại bản Cáo trạng số 30/CT-VKSKH-P1 ngày 11 tháng 02 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Thanh T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b Khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K giữ nguyên Cáo trạng số 30/CT-VKSKH-P1 ngày 11 tháng 02 năm 2020 và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b Khoản 3 Điều 251; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm h Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh T từ 16 năm tù đến 17 năm tù về tội “Mua án trái phép chất ma túy”; Về vật chứng vụ án: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy còn lại sau khi lấy mẫu giám định, 01 (một bình sử dụng ma túy đá); tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại nhãn 01 điện thoại di động hiệu Samsung; trả cho bị cáo 01 xe mô tô BKS 79N1-237.33 theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 04 tháng 6 năm 2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K với Cục Thi hành án dân tỉnh K; trả cho bị cáo số tiền 7.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Kho bạc Nhà nước thành phố N. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Luật sư Nguyễn Thị Minh T trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh T: thống nhất về tội danh và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K đề nghị. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định mức hình phạt phù hợp đối với bị cáo.

- Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T khai nhận toàn bộ hành vi tàng trữ 41,1074 gam ma túy Methamphetamine mục đích để bán lại kiếm lời; bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, không bổ sung quan điểm bào chữa của luật sư; bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Quốc A, Nguyễn Tấn Q, Nguyễn Thị Ngọc L; người làm chứng Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại hồ sơ và không ảnh đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, của Cơ quan điều tra, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, luật sư không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên các hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Thanh T khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra; phù hợp với các kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh K và các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra cũng như các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội

đồng xét xử đủ căn cứ kết luận: khoảng 19 giờ 30 phút ngày 13 tháng 6 năm 2018, tại khu vực trước nhà nghỉ SX, số nhà 930 đường L1, phường P2, thành phố N, tỉnh K, Nguyễn Thị Thanh T đã có hành vi mang 01 (một) gói thuốc lá hiệu Jet, bên trong chứa 01 (một) bìch ni lông có khóa khấn miệng, bên trong chứa 2,2967 gam Methamphetamine để bán cho đối chưa rõ lai lịch có tên là N1 và cất giấu trong người 23 bìch ni lông (kích thước 1,5x2cm), 18 bìch ni lông (kích thước 2,5x2,5cm), 08 bìch ni lông (kích thước 4x4cm), tất cả các bìch ni lông bên trong đều chứa Methamphetamine có tổng khối lượng 38,8107 gam, nhằm mục đích bán kiếm lời. Vì vậy, Cáo trạng số 30/CT-VKSKH-P1 ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thanh T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 điều 251 Bộ luật hình sự, là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị Thanh T là đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, làm phát sinh tệ nạn ma túy là hiểm họa lớn cho xã hội, gây tác hại cho sức khỏe, làm suy thoái nòi giống, phẩm giá con người, phá hoại hạnh phúc gia đình, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, thấy được hậu quả, tác hại của hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhưng do hám lợi nên vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh T mức án nghiêm khắc mới có tác dụng trừng trị, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa, răn đe chung cho xã hội.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Thanh T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại bản án số 140/2016/HS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2016, Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh T 07 năm 06 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; tại bản án số 304/2016/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2016, Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh T 02 năm 06 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Vì vậy, cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[7] Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đối với bị cáo Nguyễn Thị Thanh T.

[8] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T không có nghề nghiệp nên miễn phạt tiền cho bị cáo.

[9] Đối với Lê Quốc A, có hành vi chở Nguyễn Thị Thanh T đến nhà nghỉ SX nhưng không biết T cất giấu chất ma túy trong người, không biết T mua bán trái

phép chất ma túy nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự. Đối với hành vi tàng trữ 3,7255 gam lá, hoa cần sa tại nhà ở tổ 11 P, xã V, thành phố N, tỉnh K để sử dụng cá nhân, chưa đủ yếu tố cấu thành tội “tàng trữ trái phép chất ma túy” nên không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Lê Quốc A.

[10] Đối với người có tên là L, N1, Ty chưa xác định được lai lịch, các Cơ quan tiến hành tố tụng tiếp tục tiến hành điều tra làm rõ, nếu có đủ căn cứ thì xử lý theo quy định của pháp luật.

[11] Về vật chứng vụ án: Khối lượng ma túy còn lại sau giám định, 01 bình sử dụng ma túy là vật cấm tàng trữ, lưu hành nên áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu, tiêu hủy. 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung 01 phương tiện phạm tội nên áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu, nộp ngân sách nhà nước. 01 (một) xe máy hiệu Suzuki màu đỏ, mang biển kiểm soát 79N1-237.33 là tài sản bị cáo mua của Nguyễn Tấn Q; số tiền 7.000.000 đồng là tài sản của chị Nguyễn Thị Ngọc L cho bị cáo nên áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh T.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh T 16 (mười sáu) năm tù về tội “Mua án trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp với hình phạt 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua án trái phép chất ma túy” tại bản án số 140/2016/HS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2016 của Tòa án nhân dân thành phố N và hình phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua án trái phép chất ma túy” tại bản án số 304/2016/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân thành phố N, buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh T phải chấp hành hình phạt chung là 26 (hai mươi sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07 tháng 8 năm 2019.

- Về vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) phong bì giấy được niêm phong kín, mặt trước ghi “Mẫu vật còn sót lại sau giám định ký hiệu A: 2,0976g” “vụ: 301/GĐT/2018”, mặt sau có chữ ký của thượng tá Nguyễn Khắc H, Nguyễn Hoàng Quang A và hình dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh K; 01 (một) phong bì giấy được niêm phong kín, mặt

trước ghi “Mẫu vật còn sót lại sau giám định ký hiệu B: 38,4098g” “vụ: 301/GĐTP/2018”, mặt sau có chữ ký của thượng tá Nguyễn Khắc H, Nguyễn Hoàng Quang A và hình dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh K; 01 (một) bình sử dụng ma túy đá, theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 04 tháng 6 năm 2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K với Cục Thi hành án dân sự tỉnh K.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, vỏ màu tím, sử dụng số thuê bao 01626789502 (đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong), theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 04 tháng 6 năm 2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K với Cục Thi hành án dân sự tỉnh K.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh T: 01 (một) xe máy hiệu Suzuki màu đỏ, mang biển kiểm soát 79N1-237.33, loại xe 02 bánh từ 50-175cm³, số loại 110, dung tích 110, số máy E106TH203684; số khung BE12ATH203684 (đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong), theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 04 tháng 6 năm 2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K với Cục Thi hành án dân sự tỉnh K; trả cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh T số tiền 7.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước Mã hiệu: KHH680118, số CT: 0006992 ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Kho bạc Nhà nước thành phố N.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy an Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Quốc A, Nguyễn Tấn Q, Nguyễn Thị Ngọc L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I – TANDTC;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Công an tỉnh Khánh Hòa (PV 06- PC02);
- Chi cục THA tỉnh Khánh Hòa;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Thành